| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN VĨNH LINH**<br>**TỈNH QUẢNG TRỊ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 14/2022/HS-ST
Ngày 08/6/2022

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Việt Hà – Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Vĩnh Linh.
- Ông Nguyễn Văn S.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị C PH - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 08/6/2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm, C khai vụ án hình thụ lý số 12/TLST - HS ngày 04 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST - HS ngày 25/5/2022 đối với các bị cáo:

1. Lê Cao C, sinh năm 1999, tại Huyện V, tỉnh Q.; giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn D, xã V, huyện V, tỉnh Q.; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Lê Văn B và bà Trần Thị T; Vợ, con: Chưa có.

Tiền sự: Ngày 30/3/2021 C an huyện Vĩnh Linh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính phạt số tiền 5.000.000 đồng về hành vi tàng trữ trái phép pháo nổ. Bị cáo đã thi hành.

Tiền án: Ngày 08/6/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh xử phạt 12 tháng phạt tù nhưng được hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội *"Buôn bán hàng cấm"*.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/01/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ - C an huyện Vĩnh Linh. Có mặt.

2. Phạm Lê Đăng P**,** sinh ngày 23/3/2005, tại Huyện V, tỉnh Q.; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Khu phố H, thị trấn C, huyện V, tỉnh Q; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Học sinh; Con ông Phạm Văn A và bà Nguyễn Thị C; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị cáp dụng biện pháp ngăn chặn *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"* của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

3. Lê An K, sinh ngày: 09/12/2005, tại Huyện V, tỉnh Q.; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Khu phố H, thị trấn C, huyện V, tỉnh Q; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông Lê Văn V và bà Lê Thị H; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị cáp dụng biện pháp ngăn chặn *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"* của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- Người bào chữa đồng thời là người đại diện của bị cáo Phạm Lê Đăng P: Bà Nguyễn Thị C (Mẹ đẻ), sinh năm 1967.

Trú tại: Khu phố H, thị trấn C, Huyện V, tỉnh Q. Có mặt.

- Người bào chữa đồng thời là người đại diện của bị cáo Lê An K: Ông Lê Văn V (Bố đẻ), sinh năm 1972.

Trú tại: Khu phố H, thị trấn C, Huyện V, tỉnh Q. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1967.

Trú tại: Khu phố H, thị trấn C, Huyện V, tỉnh Q. Có mặt.

+ Ông Lê Văn V, sinh năm 1972.

Trú tại: Khu phố H, thị trấn C, Huyện V, tỉnh Q. Có mặt.

+ Ông Phạm Văn An, sinh năm 1953.

Trú tại: Khu phố H, thị trấn C, Huyện V, tỉnh Q. Vắng mặt.

+ Chị Lê Thị T, sinh năm 1978.

Trú tại: Khu phố A, Thị trấn C, huyện V, tỉnh Q. Có mặt.

+ Anh Lê Hồng S, sinh năm 1999.

Trú tại: Khu phố H, thị trấn C, Huyện V, tỉnh Q. Có mặt.

+ Ông Đào Văn C, sinh năm 1961.

Trú tại: Thôn X, xã T, huyện G, tỉnh Q. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Thái Văn D, sinh ngày 13/9/2006.

Trú tại: Khu phố A, Thị trấn C, huyện V, tỉnh Q. Có mặt.

+ Chị Lê Thị H, sinh năm 1977.

Trú tại: Khu phố H, thị trấn C, Huyện V, tỉnh Q. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Xuân V, sinh năm 1961.

Trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Q. Vắng mặt.

+ Anh Phạm Lê Đăng Pc, sinh năm 2005.

Trú tại: Khu phố H, thị trấn C, huyện V, tỉnh Q. Vắng mặt.

- Đại diện của Trường phổ thông trung học C.

+ Bà Lê Thị Thanh M – Giáo viên.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc H – Giáo viên.

Địa chỉ: Khu phố A, Thị trấn C, huyện V, tỉnh Q. Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng đầu 11/2021, Lê Cao C nảy sinh ý định mua pháo nổ về bán kiếm lời trong dịp Tết nên điều khiển xe môtô biển kiểm soát XXXkhu vực Cửa hàng xăng dầu số 2 ở thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hóa gặp một người đàn ông chạy xe ôm, C làm quen và hỏi mua pháo. Sau khi thống nhất giá pháo hoa nổ loại 09 ống 1.000.000 đồng/hộp, pháo hoa nổ loại 36 ống 600.000 đồng/hộp, loại pháo bi 600.000 đồng/bao,

C đề nghị mua 02 hộp pháo hoa nổ loại 09 ống, 05 hộp pháo hoa nổ loại 36 ống và 03 bao pháo bi loại 100 quả/bao với tổng số tiền là 6.800.000 đồng. Do hàng chưa có sẵn nên C lấy số điện thoại của người đàn ông và đặt cọc 3.000.000 đồng rồi trở về nhà. Khoảng hai tuần sau, C gọi điện thoại cho người đàn ông và biết được đã có 02 hộp pháo hoa nổ loại 09 ống. Sáng 20/11/2021, C rủ Lê An K cùng đi và hứa khi nào bán được pháo sẽ cho tiền nên K đồng ý. C điều khiển xe môtô biển kiểm soát XXXchở K đến Cửa hàng xăng dầu số 2 gặp lại người đàn ông và được dẫn đến một ngã ba giao nhau với đường Lê Hồng Phong (thuộc thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hóa) đã có sẵn một bao lác màu xanh để ở đó. C kiểm tra bên trong thấy có 02 hộp pháo loại 09 ống nên đưa lên xe môtô rồi trả thêm cho người đàn ông 2.000.000 đồng. Sợ mang pháo về nhà sẽ bị lộ nên C gọi điện thoại cho Nguyễn Thái Văn D đề nghị được gửi 02 hộp pháo tại nhà D thì D đồng ý đưa pháo cất giấu ở ngăn dưới cùng bên phải của tủ gỗ để ở phòng khách. Được C hứa hẹn khi nào bán được pháo sẽ cho tiền nên D và C thống nhất về sau sẽ cho C gửi pháo cất giấu ở nhà D mà không cần hỏi ý kiến D nữa. Vào ngày 01/01/2022, sau khi liên lạc với người đàn ông và biết đã có đủ số pháo theo yêu cầu, C gọi điện cho Phạm Lê Đăng P và Nguyễn Thái Văn D nhờ đi lấy thay. Được C hứa hẹn sau khi bán được pháo sẽ cho tiền tiêu xài nên P và D đồng ý. Trước khi đi, C đưa cho D số tiền 1.800.000 đồng để thanh toán đầy đủ cho người đàn ông theo thỏa thuận. Theo chỉ dẫn của C, P sử dụng xe môtô biển kiểm soát RRRcủa anh trai là Phạm Lê Đăng Pc chở D đến gặp người đàn ông bán pháo, người này dẫn P và D đến ngã ba giao nhau với đường Lê Hồng Phong thì đã có pháo được đựng trong một thùng giấy carton đã để sẵn từ trước. Sau khi kiểm đủ 05 hộp pháo hoa loại 36 ống và 03 bao pháo bi loại 100 quả/bao như hướng dẫn của C, D đưa cho người đàn ông số tiền 1.800.000 đồng rồi cùng P chở pháo về thị trấn Cửa Tùng. Khi về đến nơi, D thực hiện theo chỉ dẫn của C, lấy 02 hộp pháo hoa loại 36 ống và 01 bao pháo bi mang về nhà D cất vào ngăn dưới cùng bên trái của tủ gỗ trong phòng khách, rồi đưa 03 hộp pháo hoa loại 36 ống và 02 bao pháo bi còn lại sang nhà C. Khi kiểm tra phát hiện có dư 04 quả pháo bi, biết là người bán cho thêm nên C đã cho D; D đưa 04 quả pháo bi về nhà cất cùng với số pháo vừa mới giấu. Khoảng 17 giờ ngày 05/01/2022, tại nhà của mình, C đã bán cho Lê Hồng S 01 hộp pháo hoa loại 36 ống với giá 800.000 đồng để sử dụng; còn 02 hộp pháo hoa loại 36 ống và 02 bao pháo bi C giấu trong bụi rậm tại khu đất trống tiếp giáp với vườn của gia đình C. Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 07/01/2022, theo chỉ dẫn của C qua điện thoại, P đến vị trí nói trên lấy toàn bộ số pháo mang về nhà D cất giấu ở ngăn dưới cùng bên trái của tủ gỗ để ở phòng khách. Khoảng 15 giờ ngày 07/01/2022, một người đàn ông xưng là Tài gọi điện thoại cho C hỏi mua 05 hộp pháo loại 36 ống và 03 bao pháo bi. Sau khi thống nhất giá tất cả các loại đều là 800.000 đồng/hộp, bao; người đàn ông hẹn C giao pháo tại khách sạn Cửa Tùng vào lúc 18 giờ cùng ngày. Đến khoảng 17 giờ ngày 07/01/2022, trong lúc P cùng K đang ở cùng nhau tại sân bóng xã Vĩnh Giang thì C liên lạc với P bảo tập trung tại nhà D để lấy 04 hộp pháo hoa nổ loại 36 ống và 03 bao pháo bi đi giao tại khách sạn Cửa Tùng. Gần 18 giờ cùng ngày, C đến nhà D; khoảng 05 phút sau thì P chở K đến bằng xe môtô biển kiểm soát 74L1-327.95; lúc này D đang ngủ. C nói với P và K *"Vào lấy nhanh để đi giao cho khách anh với"* rồi cả ba cùng đi vào nhà của D, đến ngăn bên trái dưới cùng của tủ gỗ đựng pháo mở ra kiểm

tra. Thấy trong tủ còn 04 hộp pháo hoa nổ loại 36 ống và 03 bao pháo bi, C để P và K lấy thùng carton và bao ni long đóng gói pháo còn C đi ra ngoài canh cửa và gọi điện thoại cho Lê Hồng S nói: *"S ơi, còn phông mô cho tau mượn, đó tau đưa lại cho"* thì S đồng ý. Sau đó, C vào nhà nói với P và K rằng C đi trước dò đường còn P và K đi sau. P đặt thùng carton đựng 04 hộp pháo hoa ở gác trước của xe môtô 74L1-327.95, chở K ngồi sau ôm 03 bao pháo bi đi theo C. Khi đi đến cổng nhà S, C bảo P và K đi trước còn C dừng lại gọi điện cho S để lấy pháo. S đưa cho C 01 hộp pháo loại 36 ống, đựng trong bao nilon màu đen, C để bao nilon có chứa pháo ở gác trước của xe môtô biển kiểm soát XXXđi về khách sạn Cửa Tùng. Khi đến nơi, C bị lực lượng C an kiểm tra, phát hiện, lập biên bản thu giữ 01 hộp pháo hoa nổ loại 36 ống.

P chở K đi đến đường giữa khách sạn Eo biển xanh 2 và Bệnh viện y học cổ truyền và phục hồi chức năng tỉnh Quảng Trị, thấy có 02 người thanh niên lạ mặt, cả hai nghĩ là lực lượng C an nên P không chở K đến điểm hẹn với C mà đi lòng vòng trong khu dân cư, đến bụi rậm ở bãi đất phía sau Bệnh viện y học cổ truyền và phục hồi chức năng tỉnh Quảng Trị vứt toàn bộ số pháo mang theo rồi ra về. Đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, biết hành vi phạm tội của mình đã bị phát hiện nên P và K cùng nhau đến C an thị trấn Cửa Tùng đầu thú. Cơ quan điều tra đã xác định địa điểm và thu giữ được 04 hộp pháo hoa nổ loại 36 ống và 03 bao pháo bi loại 100 viên/bao mà P và K đã vứt bỏ. Quá trình kiểm tra xác minh, bà Lê Thị T (mẹ của Nguyễn Thái Văn D) tìm kiếm và phát hiện trong tủ gỗ đựng quần áo của gia đình có 02 hộp pháo hoa nổ loại 09 ống và 04 viên pháo bi. Bà T tự nguyện giao nộp, cơ quan điều tra.

Bản Kết luận giám định số 102/KLGĐ-PC09 ngày 11/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - C an tỉnh Quảng Trị kết luận:

*- "Mẫu vật được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu P1 gửi đến giám định là pháo hoa nổ. Khối lượng 1,4kg.*

*- Mẫu vật được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu P2 gửi đến giám định là: Pháo hoa nổ đối với các mẫu: 02 (hai) hộp, vỏ ngoài bọc giấy có ký hiệu C0834; 01(một) hộp, vỏ ngoài bọc giấy có ký hiệu C0836; 01 (một) hộp, vỏ ngoài bọc giấy có ký hiệu C0833. Tổng khối lượng: 5,5kg, pháo nổ đối với mẫu: Các vật hình cầu nhiều màu sắc, vỏ ngoài có gắn dây được đựng trong 03 (ba) túi nylon. Tổng khối lượng: 1,4kg.*

*- Mẫu vật được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu P3 gửi đến giám định là: Pháo hoa nổ đối với mẫu: 02 (hai) hộp, vỏ ngoài bọc giấy có ký hiệu C1759C. Khối lượng: 5,15kg; pháo nổ đối với mẫu: 04 (bốn) vật hình cầu (02 (hai) vật hình cầu nhiều màu sắc, vỏ ngoài có gắn dây; 02 (hai) vật hình cầu nhiều màu sắc, vỏ ngoài không gắn dây). Khối lượng: 0,016kg."*

Cáo trạng số 14/CT-VKS-VL ngày 04/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh truy tố Lê Cao C, Phạm Lê Đăng P, Lê An K về tội: *"Buôn bán hàng cấm"* quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Cao C, Phạm Lê Đăng P, Lê An K phạm tội *"Buôn bán hàng cấm"*.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h, điểm o khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Cao C từ 18-21 tháng tù, tổng hợp hình phạt của Bản án số 22/2021/HSST ngày 08/6/2021 buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 30-33 tháng tù, được trừ đi 34 ngày tạm giữ, tạm giam, thời hạn tù tính từ ngày 08/01/2022.

Áp dụng thêm điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90; khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 91; Điều 38; Điều 101; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Lê Đăng P từ 10 đến 11 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 đến 22 tháng tính từ ngày tuyên án; bị cáo Lê An K 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng tính từ ngày nguyên án. Giao các bị cáo Phú, K cho UBND thị trấn Cửa Tùng và gia đình giám sát, giáo dục.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo C, Phú, K.

Tịch thu tiêu hủy đối với số hàng cấm và bao gói hoàn lại sau giám định. Tịch thu sung C đối 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5S bên trong có 01 thẻ sim điện thoại có số thuê bao 0879760658; 01 xe mô tô BKS: XXX , nhãn hiệu Drin; hoàn trả cho chủ sở hữu 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5S, 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI7, bên trong có thẻ sim điện thoại có số thuê bao 0787604067, 01 xe mô tô BKS: RRRcùng giấy chứng nhận đăng ký xe số 003051 mang tên Phạm Lê Đăng Pc, 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 PLUSH, bên trong có thẻ sim điện thoại có số thuê bao 0849091005.

Truy thu số tiền 800.000 đồng đối với Lê Cao C để sung vào ngân sách nhà nước.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, nói lời sau cùng đã nhận thấy hành vi của mình đã gây ra là vi phạm pháp luật, nên đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét được hưởng chính sách khoan hồng của Pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo, đại diện của Trường trung học Cửa Tùng đồng ý với luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ quá trình thực hiện hành vi phạm tội; phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Kết luận giám định, tang vật vụ án được thu giữ cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định: Vì vụ lợi, Lê Cao C cùng Phạm Lê Đăng P và Lê An K thực hiện hành vi buôn bán pháo nổ với mục đích kiếm lời. Trong đó C thực hiện buôn

bán đối với toàn bộ khối lượng pháo nổ 13,466kg; Phạm Lê Đăng P tham gia việc buôn bán với khối lượng 8,316kg pháo nổ; Lê An K tham gia thực hiện buôn bán với khối lượng 6,9kg pháo nổ, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Buôn bán hàng cấm" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 của BLHS.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, sự độc quyền quản lý Nhà nước trong hoạt động sản xuất, buôn bán, kinh doanh pháo nổ. Mặt khác nó còn có tác động xấu đến trật tự trị an xã hội. Truy tố của Viện kiểm sát đối với các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Về vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong vụ án có đồng phạm, giữa các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ nên tính chất đồng phạm ở mức độ giản đơn. Tuy nhiên, cần phải đánh giá vai trò, tính chất mức độ phạm tội để phân hóa trách nhiệm hình sự, cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo.

Bị cáo Lê Cao C là người khởi xướng cũng là người thực hành tích cực đi tìm nguồn, chuẩn bị tiền để mua hàng, bố trí sắp xếp việc buôn bán, địa điểm cất giấu. Bị cáo đã bị C an huyện Vĩnh Linh ra Quyết định xử phạt số tiền 5.000.00 đồng về hành vi tàng trữ trái phép pháo nổ, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh xử phạt 12 tháng phạt tù cho hưởng án treo với thời gian thử thách 24 tháng về tội *"Buôn bán hàng cấm"* là pháo nổ đang trong thời gian đang chấp hành án nên phải nhận thức sâu sắc đây là hành vi nguy hiểm cho xã hội bị pháp luật nghiêm cấm nhưng chỉ vì hám lợi mà vẫn cố T thực hiện thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Bên cạnh đó, bị cáo đã xúi dục, lôi kéo Phạm Lê Đăng P và Lê An K cùng tham gia phạm tội khi P mới 16 tuổi 09 tháng 15 ngày và K mới 16 tuổi 0 tháng 29 ngày. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc nhất mới có tác dụng trừng trị, giáo dục đối với bị cáo đồng thời răn đe, phòng ngừa chung.

Bị cáo Lê An K và Phạm Lê Đăng P nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng chỉ vì hám lợi, nghe lời rủ rê, xúi giục, hứa hẹn của bị cáo C dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo P là người thực hành tích cực, sử dụng pH tiện của gia đình vận chuyển pháo từ thị trấn Lao Bảo về thị trấn Cửa Tùng, đưa pháo nổ đi cất dấu, đồng thời còn thực hiện việc đưa pháo nổ đi bán theo chỉ dẫn của bị cáo C. Bị cáo K vì T cờ biết được việc C yêu cầu P mang pháo đi bán nhớ lại việc trước đây C có hứa hẹn sẽ cho tiền khi bán được pháo nên đi theo phụ C, P trong việc lấy pháo, đưa pháo đi bán. Vì vậy, vai trò của bị cáo P cao hơn so với bị cáo K.

[4] Về T tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo Lê Cao C bị áp dụng T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm" và "xúi giục người chưa dưới 18 tuổi phạm tội" quy định tại điểm h, điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo; ông nội và bà ngoại của bị cáo là người có C với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huy cH kháng chiến hạng nhất; Vì vậy, cần xem xét cho bị cáo được hưởng T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Lê Đăng P và Lê An K phạm tội không có T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, các bị cáo

đã có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội các bị cáo tự nguyện ra đầu thú. Gia đình các bị cáo có truyền thống cách mạng, ông nội của bị cáo P là Liệt sĩ, bà ngoại và bà nội là người có C với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng huy cH kháng chiến hạng Nhì và hạng Ba. Ông bà nội, ngoại của bị cáo Lê An K là người có C với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng huy cH kháng chiến hạng Nhất và hạng Ba. Vì vậy, cần xem xét cho bị cáo được hưởng các T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Các bị cáo Phạm Lê Đăng P và Lê An K là những người dưới 18 tuổi phạm tội nên sẽ được áp dụng những quy định tại cH XII Bộ luật hình sự để xử lý.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các T tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự xét thấy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo Lê Cao C đồng thời phải tổng hợp với hình phạt của bản án số 22/2021/HSST ngày 08/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ dài mới có tác dụng trừng trị, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội; đối với các bị cáo Lê An K và Phạm Lê Đăng P phạm tội lần đầu, các bị cáo là người ở độ tuổi vị thành niên nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, các bị cáo còn là học sinh, có nhân thân tốt, được hưởng nhiều T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, ổn định cho thấy bị cáo có khả năng cải tạo, việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn và cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên áp dụng thêm các quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65, các quy định tại CH XII Bộ luật hình sự để ấn định mức hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo là tương xứng với hành vi đồng thời thể hiện sự nhân đạo của pháp luật với mục đích giáo dục, giúp đỡ các sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành C dân có ích cho xã hội.

Bị cáo C không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, các bị cáo Phú, K là người chưa thành niên phạm tội, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Về xử lý vật chứng: 3,9kg pháo hoa nổ, 1,374kg pháo nổ hoàn lại sau giám định là hàng cấm lưu hành, 01 túi ni lông hoàn lại sau giám định, 02 bao ni-lông màu đen, 01 hộp giấy carton không có giá trị sử dung cần tịch thu tiêu hủy.

01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5S, gắn sim điện thoại thuê bao số 0879760658 của bị cáo C; 01 xe mô tô BKS: XXXđứng tên sở hữu ông Đào C Văn, ông Văn đã bán lại cho người thu mua phế liệu, bị cáo C mua lại và dùng làm pH tiện phạm tội cần tịch thu sung C.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, thu giữ từ Nguyễn Thái Văn D là tài sản của bà Lê Thị T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plush gắn sim điện thoại thuê bao số 0849091005, thu giữ từ bị cáo P là tài sản của ông Phạm Văn An và bà Nguyễn Thị C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi7 gắn sim điện thoại thuê bao số 0787604067, thu giữ từ bị cáo K là tài sản của ông Lê Văn V và bà Lê Thị H. Các điện thoại trên bà T, ông An bà C và ông V bà TH cho K, P và D mượn để phục vụ việc học online và giải trí, các chủ sở hữu không biết Phú, K và D sử dụng vào mục đích phạm

tội, tại phiên tòa các chủ sở hữu đều có nguyện vọng nhận lại tài sản của mình, đây là nguyện vọng chính nên được chấp nhận.

01 xe mô tô BKS 74L1-327.95, nhãn hiệu Honda 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 003051 của xe môtô BKS: 74L1-32795, mang tên Phạm Lê Đăng Pc, việc bị cáo P sử dụng xe trên làm pH tiện phạm tội anh Phúc không biết, nay anh có nguyện vọng nhận lại tài sản của mình cần chấp nhận.

01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 0035982 của xe mô tô BKS: XXX , mang tên Đào C Văn là tài liệu kèm theo hồ sơ vụ án.

Lê Cao C đã bán cho anh Lê Hồng S 01 hộp pháo hoa nổ với giá 800.000 đồng sau đó mượn lại số pháo này để đưa đi bán và bị bắt giữ; số tiền trên bị cáo đã tiêu xài hết. Đây là tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có được nên cần phải truy thu để sung vào ngân sách nhà nước.

[7] Các vấn đề khác: Đối với Nguyễn Thái Văn D, sinh ngày 13/9/2006, tính đến ngày 07/01/2022, D mới 15 tuổi 03 tháng 24 ngày nên không đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về hành vi tàng trữ, buôn bán hàng cấm. Ngày 20/11/2021, K cùng C đi nhận 02 hộp pháo hoa nổ loại 09 ống, tại thời điểm này K chưa đủ 16 tuổi nên không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi này. Theo đề nghị của C an huyện Vĩnh Linh, hành vi của K và D đã bị UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định số 1002/QĐ-XPVPHC, 1007/QĐ-XPVPHC ngày 12/4/2022 xử phạt vi phạm hành chính hình thức Cảnh cáo.

Ngày 05/01/2022, Lê Hồng S mua từ Lê Cao C 01 hộp pháo hoa nổ loại 36 ống với giá 800.000 đồng để sử dụng. Tuy nhiên, đến ngày 07/01/2022, Lê Cao C mượn lại số pháo nói trên để đi bán. Hành vi của S có dấu hiệu của tội *"Tàng trữ hàng cấm"* tuy nhiên số pháo nói trên có trọng lượng 1,4kg nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. C an huyện Vĩnh Linh đã ban hành Quyết định số 06/QĐ-XPHC ngày 06/4/2022, xử phạt số tiền 5.000.000 đồng, Lê Hồng S đã thi hành.

Số điện thoại 0334.589.657 được đăng ký thông tin cá nhân của ông Nguyễn Xuân V. Tuy nhiên, ông V không sử dụng và không biết về số thuê bao điện thoại nêu trên; ông V cũng không có bất cứ giao dịch mua bán pháo hoa nào, nên không xét.

Người đàn ông bán pháo ở thị trấn Lao Bảo cho C thông qua số điện thoại. Tuy nhiên, điện thoại của C không lưu tên, việc mua pháo diễn ra đã lâu nên không nhớ số điện thoại. Cơ quan điều tra đã yêu cầu nhà mạng Vinaphone cung cấp thông tin liên quan đến thuê bao điện thoại của Lê Cao C để điều tra xác minh về người đàn ông bán pháo nhưng chưa có kết quả. Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh khi nào điều tra làm rõ sẽ xử lý sau.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Cao C, Phạm Lê Đăng P và Lê An K phạm tội "Buôn bán hàng cấm".

1. Áp dụng thêm Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, điểm o khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt Lê Cao C 21 (Hai mươi mốt) tháng tù. tổng hợp với hình phạt 12 (Mười hai) tháng tù của Bản án số 22/2021/HSST ngày 08/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh. Buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung của cả hai bản án là 33 (Ba mươi ba) tháng tù, được trừ đi 34 (Ba mươi bốn) ngày tạm giữ, tạm giam trong vụ án trước, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 08/01/2022.

Áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt Phạm Lê Đăng P 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/6/2022).

- Xử phạt Lê Anh K 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/6/2022).

*Giao các bị cáo Phạm Lê Đăng P và Lê An K cho Ủy ban nhân dân thị trấn Cửa Tùng, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa pH trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.*

*Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ Luật hình sự và khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ Luật tố tụng hình sự quyết định:

- Tịch thu tiêu hủy 3,9kg pháo hoa nổ, 1,374kg pháo nổ, 01 túi ni lông hoàn lại sau giám định là hàng cấm lưu hành, 02 (hai) bao ni-lông màu đen, kích thước 30x45 cm, 01 (một) hộp giấy carton kích thước 20x20x30cm, hiện đang được bảo quản tại C an huyện Vĩnh Linh. *(Vật chứng có đặc điểm như mô tả trong Biên bản đóng gói, niêm phong và giao nhận lại đối tượng giám định ngày 11/01/2022 của Giám định viên thuộc phòng Kỹ thuật hình sự C an tỉnh Quảng Trị và Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra C an huyện Vĩnh Linh).*

- Tịch thu sung C quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, bên trong có gắn sim điện thoại thuê bao số 0879760658; 01 xe mô tô BKS: XXXcủa bị cáo Lê Cao C.

- Trả lại 01 xe mô tô BKS 74L1-327.95, nhãn hiệu Honda, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 003051 của xe môtô BKS: 74L1-32795 cho anh Phạm Lê Đăng Pc.

- Trả lại 01điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S cho bà Lê Thị T; 01điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plush gắn sim điện thoại thuê bao số 0849091005 cho ông Phạm Văn An và bà Nguyễn Thị C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi7 gắn sim điện thoại thuê bao số 0787604067, cho ông Lê Văn V và bà Lê Thị H.

(*Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra C an huyện Vĩnh Linh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Linh ngày 16/5/2022).*

- Truy thu từ bị cáo Lê Cao C để sung vào ngân sách nhà nước số tiền 800.000 (Tám trăm nghìn) đồng

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 BLTTHS và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Lê Cao C, Phạm Lê Đăng P và Lê An K phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện đồng thời là người bào chữa cho các bị cáo, đại điện của Trường phổ thông trung học Của Tùng có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/6/2022). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Vĩnh**

*Nơi nhận:*
- *TAND tỉnh QT;*
- *VKSND tỉnh QT;*
- *Sở Tư pháp tỉnh QT;*
- *VKSND Vĩnh Linh;*
- *CA Vĩnh Linh;*
- *CCTHADS Vĩnh Linh;*
- *UBND Cửa Tùng, Vĩnh Giang;*
- *Bị cáo;*
- *Lưu: HSVA.*